

Số: 283/2021/NQ-UBTVQH15

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy chế làm việc mẫu
của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Căn cứ Quy chế làm việc của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành kèm theo Nghị quyết số 1075/2015/UBTVQH13 ngày 11 tháng 12 năm 2015;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Công tác đại biểu tại Tờ trình số 644 /TTr-BCTĐB ngày 17 tháng 8 năm 2021;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1

Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế làm việc mẫu của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội.

Điều 2

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan theo trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. 

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH




Vương Đình Huệ

EPAS: 63844

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ LÀM VIỆC MẪU
CỦA HỘI ĐỒNG DÂN TỘC, ỦY BAN CỦA QUỐC HỘI
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 283/2021/NQ-UBTVQH15
ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định cụ thể về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc hoạt động, chế độ trách nhiệm, lề lối làm việc, mối quan hệ công tác và trình tự xử lý công việc của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

2. Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội, các đại biểu Quốc hội là thành viên Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, các chuyên gia, cộng tác viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, cơ quan tham mưu giúp việc Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Tổ chức của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội

1. Hội đồng Dân tộc gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Thường trực, Ủy viên Chuyên trách và các Ủy viên khác của Hội đồng Dân tộc; Ủy ban của Quốc hội gồm Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Thường trực, Ủy viên chuyên trách và các Ủy viên khác của Ủy ban.

2. Thường trực Hội đồng Dân tộc gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Thường trực, Ủy viên Chuyên trách của Hội đồng Dân tộc; Thường trực Ủy ban của Quốc hội gồm Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Thường trực, Ủy viên chuyên trách của Ủy ban.

3. Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội thành lập các Tiểu ban có thể hoạt động thường xuyên hoặc có thời hạn hoặc theo vụ việc để nghiên cứu, chuẩn bị các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội. Mỗi Tiểu ban có thể do Chủ tịch, Chủ nhiệm hoặc phân công một Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban hoặc Ủy viên Thường trực làm Trưởng Tiểu ban. Thành viên Tiểu ban gồm Ủy viên Thường trực, Ủy viên chuyên trách, Ủy viên khác của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và các thành viên khác có thể không phải là thành viên Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội hoặc không phải là đại biểu Quốc hội.

Số lượng Tiểu ban, thời hạn hoạt động của Tiểu ban do Hội đồng Dân tộc, Ủy ban quyết định.

Việc phân công Phó Trưởng Tiểu ban và quyết định số lượng thành viên các Tiểu ban mời ngoài thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban do Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban quyết định.

4. Khi cần thiết, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có thể thành lập Nhóm nghiên cứu để phục vụ công tác chuyên môn, giúp việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội quyết định số lượng thành viên và phân công Trưởng Tiểu Ban hoặc Phó Trưởng Tiểu ban làm Trưởng Nhóm. Thành viên tham gia Nhóm nghiên cứu có thể không phải là thành viên Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội hoặc không phải là đại biểu Quốc hội.

5. Các thành viên khác của Tiểu ban, thành viên Nhóm nghiên cứu không phải là thành viên Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội hoặc không phải là đại biểu Quốc hội được mời và đồng ý tham gia Tiểu ban, tham gia Nhóm, hoạt động với tư cách chuyên gia cần thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

Điều 3. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội

1. Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.

2. Hoạt động của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội phải tuân thủ quy định của Hiến pháp và pháp luật, công khai, minh bạch, dân chủ, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công phụ trách; bảo đảm sự điều hành của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội.

3. Phiên họp toàn thể của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội phải có quá nửa tổng số thành viên tham dự.

4. Quyết định của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội phải được quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và thành viên của Hội đồng, Ủy ban

1. Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức Quốc hội và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Thành viên của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội theo quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức Quốc hội và các quy định khác của pháp luật có liên quan; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội nơi mình ứng cử hoặc tham gia sinh hoạt;

b) Tham gia đầy đủ các phiên họp toàn thể và các hoạt động khác của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội theo triệu tập và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội và Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội. Trường hợp vắng mặt phải xin phép và được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội;

c) Tham gia thảo luận, biểu quyết những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; tham gia ý kiến và gửi báo cáo về những vấn đề mà Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội yêu cầu;

d) Tham gia đoàn giám sát, đoàn công tác, đoàn khảo sát, nghiên cứu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội theo phân công hoặc khi được mời tham dự;

đ) Được thông tin đầy đủ về chương trình, kế hoạch và các nội dung hoạt động, các thông tin, báo cáo, tài liệu chuyên môn của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội mà mình là thành viên;

e) Giữ mối liên hệ với các cơ quan, tổ chức hữu quan theo lĩnh vực cụ thể; góp phần làm cầu nối, giữ mối liên hệ phối hợp giữa Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội với Đoàn đại biểu Quốc hội nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu và thực hiện các nhiệm vụ khác do Thường trực Hội đồng dân tộc, Thường trực Ủy ban, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội phân công.

3. Thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội là đại biểu hoạt động không chuyên trách nếu do tính chất, yêu cầu công việc hoặc vì lý do riêng không thể tham gia các hoạt động của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội thì có thể chủ động làm đơn xin thôi làm thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

4. Định kỳ hàng năm, Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội phối hợp với Ban Công tác đại biểu tổng hợp, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về hoạt động của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; hoạt động của các đại biểu là thành viên Hội đồng Dân tộc, Ủy ban. Trường hợp trong cả năm mà thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội không bố trí được quá 50% thời gian tham gia các hoạt động được yêu cầu theo kế hoạch của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban thì Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn đại biểu thôi tham gia làm thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội

Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban giúp Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội giải quyết các công việc thường xuyên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban trong thời gian giữa hai kỳ họp của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 86 của Luật Tổ chức Quốc hội.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tiểu ban và Nhóm nghiên cứu

Tiểu ban và Nhóm nghiên cứu thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công thuộc lĩnh vực chuyên môn, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Dân tộc, Ủy ban và trước Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội

Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 85 của Luật Tổ chức Quốc hội và nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội theo quy định của Hiến pháp và Luật Tổ chức Quốc hội.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội

Ngoài các nhiệm vụ chung được quy định tại Điều 4 của Quy chế này, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Giúp Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội tham gia điều hành công việc của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội theo phân công của Chủ tịch, Chủ nhiệm; tham gia thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội; nghiên cứu, đề xuất với Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội và Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban về những vấn đề thuộc lĩnh vực được phân công và các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội phụ trách.

2. Được phân công làm Trưởng Tiểu ban, Phó Trưởng Tiểu ban, Trưởng Nhóm nghiên cứu phù hợp với cơ cấu của Tiểu ban, Nhóm nghiên cứu.

3. Giúp Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội trực tiếp làm đầu mối phối hợp với các cơ quan khác của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo lĩnh vực được phân công.

4. Được Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban khi Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội vắng mặt.